

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 18-7-2024

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thoảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hoài Sơn

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Đồng nguyên đơn:**

Ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái

- Người được ủy quyền của ông Triệu Phúc T: Bà Đặng Thị L địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

**2. Đồng bị đơn:**

Anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

Anh Đặng Nho M.

Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái: Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Đức A – Chức vụ Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế C – Chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Yên Bái. Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2024 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái: Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A1 – Chức vụ Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Triệu Đình K** - Chức vụ Phó Chủ tịch. Văn bản uỷ quyền ngày 22/12/2023 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.3. Anh **Triệu Tồn C1** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.4. Chị **Triệu Thị S** địa chỉ: **Thôn G, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.5. Chị **Triệu Thị N** địa chỉ: **Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

#### **4. Người làm chứng:**

4.1. Ông **Đình Công M1** địa chỉ: **Tổ dân phố số F, T, huyện V, tỉnh Yên Bái** (vắng mặt).

4.2. Bà **Triệu Thị K1** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (vắng mặt).

4.3. Ông **Lý Kim S1** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có mặt).

4.4. Ông **Đặng Nguyên C2** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (vắng mặt).

4.5. Bà **Đặng Thị C3** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có mặt).

4.6. Bà **Đặng Thị N1** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có mặt).

4.7. Bà **Triệu Thị P** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có mặt).

4.8. Ông **Hoàng Văn L1** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** (vắng mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bà **Đặng Thị L** trình bày: Năm 1993 gia đình tôi được nhà nước giao khoán một mảnh đất rừng tại khu vực gần nhà tôi thuộc **thôn G, xã M, huyện V** với diện tích là 03ha để trồng cây lâm nghiệp và được nhà nước cấp sổ giao đất, giao rừng mang tên **Triệu Phúc T** là chồng tôi. Khi mới được giao khoán thì phần diện tích đất này toàn bộ là nứa, vầu và 04 chòm cây cọ của ông **P1**; ông **L1**; ông **M1**; ông **Đ** và cỏ dại mọc dậm. Khi gia đình tôi được giao khoán phần đất rừng này thì trên đất đã có một số gia đình là ông **Phùng Xuân M2**; ông **Phùng Văn P2**; ông **Hoàng Văn L1** và một tròm là của ông **Đ** trồng cọ, khi đó **Kiểm L2** huyện có giải thích là phần đất giao khoán cho gia đình tôi phải trừ đi phần diện tích đất mà các hộ đã trồng cọ, gia đình tôi đã nhất trí và sử dụng ổn định diện tích đất được giao từ năm 1993 cho đến nay không tranh chấp gì với các hộ này. Đối với phần đất gia đình tôi có tranh chấp nhà ông **Đặng Nho M** cụ thể như sau: Năm 1994 gia đình tôi có phát dọn 0,7ha nằm trong phần diện tích đất gia đình tôi được giao năm 1993 để trồng lúa và cây sắn. Khi đó gia đình tôi neo người không có người làm nên ông **Đặng Nho M** là em chồng tôi có hỏi gia đình tôi là mượn một phần đất và tự phát dọn để trồng lúa và trồng sắn. Gia đình tôi đã nhất trí cho ông **M** mượn. Sau khi ông **M** mượn được đất của tôi ông **M** đã trồng lúa và đến vụ thì ông **M** thu hoạch xong lúa thì ông **M** lại hỏi mượn gia đình tôi vẫn chỗ đất đó để trồng một vụ quế tiếp, gia đình tôi đồng

ý. Việc mượn đất này giữa gia đình tôi và ông M chỉ trao đổi bằng miệng và không lập thành văn bản. Năm 2013 thì ông M thu hoạch quế, khi đó trên đất còn sót lại một ít quế con và chồi quế, gia đình tôi đã đến gặp và đòi lại phần diện tích đất mà trước đây ông M đã mượn của gia đình tôi nhưng ông M có xin thêm thời gian để cây quế con còn sót lại và quế chồi lớn đến tuổi thu hoạch thì sẽ tiến hành thu hoạch và trả lại đất cho gia đình tôi. Đến nay những cây quế này đã to và đến tuổi thu hoạch gia đình tôi đã báo ông M thu hoạch quế để trả lại đất cho gia đình tôi nhưng ông M không thu hoạch mà tiếp tục trồng thêm quế mới. Diện tích đất mà ông M mượn của gia đình tôi là khoảng 0,3ha.

Đối với phần đất gia đình tôi tranh chấp với nhà ông Đặng Nho H và bà Đặng Thị D cụ thể như sau: Năm 1998 vợ chồng tôi có cho bà Triệu Thị K1 là mẹ ông Đặng Nho H mượn một lô đất nằm trong diện tích đất rừng gia đình tôi đã được giao khoán năm 1993, phần đất này là chân đồi giáp với đường đi. Khi mượn đất thì bà K1 trồng sắn, đến năm 1999 thì bà K1 cấy quế, phần cây quế này bà K1 có công bố là cho chú út là Đặng Nho H khi nào quế lớn và đến tuổi thu hoạch thì chú H có quyền thu hoạch quế và trả đất cho vợ chồng tôi. Khoảng năm 2017 bắt đầu chú H tiến hành thu hoạch quế nhưng không thu hoạch trắng mà chỉ tiến hành bóc tĩa cây to. Hiện nay trên đất vẫn còn cây to, chồi quế và chú H còn cấy thêm cây quế con xung quanh ven. Chúng tôi đã sang gặp chú H và bà K1 yêu cầu thu hoạch quế và trả lại đất cho gia đình tôi, bà K1 có nói đã nói nhiều lần nói với chú H nhưng chú H trả lời là quế chưa to nên chưa thu hoạch. Bao giờ quế to thì sẽ thu hoạch và trả đất nhưng đến nay vẫn chưa trả. Phần diện tích đất hiện nay chú H đang sử dụng của gia đình tôi là khoảng 0,2ha. Hiện nay ông Phùng Xuân M2; ông Hoàng Văn P3 và ông Đ đã chết. Ông Hoàng Văn L1 vẫn còn sống. Diện tích đất hiện nay tôi đang tranh chấp với ông Đặng Nho M; Đặng Nho H và Đặng Thị D không phải là diện tích đất của các ông này.

Do gia đình đòi đất nhiều lần nhưng ông Đặng Nho H và Đặng Thị D và ông Đặng Nho M không trả lại đất cho gia đình tôi. Chúng tôi đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã M, huyện V giải quyết về việc tranh chấp đất đai. Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Nay tôi khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Văn Yên. Đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết buộc ông Đặng Nho H và bà Đặng Thị D; ông Đặng Nho M phải thu hoạch toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất để trả lại phần diện tích đất mượn của gia đình tôi đã được cấp sổ giao đất, giao rừng vào ngày 28/6/1993. Quá trình giải quyết vụ án ngày 10/01/2024 Toà án nhân dân huyện Văn Yên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đến ngày 04/5/2024 đã tiến hành định giá tài sản tranh chấp theo yêu cầu của tôi. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2024 tôi nhất trí. Kết quả định giá ngày 04/5/2024 đối với ông Đặng Nho M giá trị cây quế trên đất là: 255.000.000 đồng và giá trị 4.568,7m<sup>2</sup> đất là 59.393.100 đồng. Tổng cộng đất và tài sản trên đất là: 314.393.100 đồng. Tôi nhất trí kết quả định giá. Kết quả định giá ngày 04/5/2024 đối với ông Đặng Nho H và bà Đặng Thị D giá trị cây quế trên đất là: 65.950.000 đồng và giá trị 886,0m<sup>2</sup> đất là 11.518.000 đồng. Tổng cộng đất và tài sản trên đất là: 77.468.000 đồng. Tôi nhất trí kết quả định giá. Nay tôi yêu cầu Toà án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết:

- Buộc ông **Đặng Nho M** phải khai thác 1000 cây quế trời to 11 năm tuổi; 1000 cây quế trồng 06 năm tuổi; 2000 cây quế con hơn 01 năm tuổi có giá trị 255.000.000đồng và trả lại toàn bộ diện tích đất là 4.568,7m<sup>2</sup> có giá trị 59.393.100đồng tại **thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** cho tôi.

- Buộc ông **Đặng Nho H** và bà **Đặng Thị D** phải khai thác 30 cây quế trồng 04 năm tuổi; 400 cây quế trời 11 năm tuổi có giá trị 65.950.000đồng và trả lại toàn bộ diện tích đất là 886,0m<sup>2</sup> có giá trị 11.518.000đồng tại **thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** cho tôi. Ngoài ra bà **L** có yêu cầu gì thêm.

\* Đồng bị đơn anh **Đặng Nho H** trình bày: Diện tích đất hiện nay ông bà **T** đang tranh chấp với tôi nguồn gốc như sau: Năm 1995 bố mẹ đẻ tôi (**ông bà T**, ông **T1** hiện nay đã chết) tự khai phá sau đó trồng quế và chia cho tôi một diện tích đất. Sau khi tôi nhận cho đất từ bố mẹ tôi, tôi đã nhờ ông **M** (là anh trai tôi) đã đào hào xung quanh diện tích đất của tôi từ thời gian đó cho đến nay. Tôi đã trồng quế trên diện tích đất đó, cây to tôi đã khai thác 03 đợt sau đó tôi lại trồng mới cho đến nay. Từ năm 1995 cho đến nay tôi vẫn trồng quế ổn định không có tranh chấp với ai cả. Đến năm 2023 thì ông bà **Thanh L3** làm đơn khởi kiện yêu cầu tôi phải khai thác cây cối trên đất và trả lại đất. Tôi không nhất trí. Việc ông bà **Thanh L3** được cấp sổ diện tích đất tôi đang sử dụng (diện tích đất tranh chấp) tôi không biết, diện tích đất tôi đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp tôi chưa được cấp sổ. Hàng năm diện tích đất này tôi cũng không phải đóng thuế cho nhà nước và cũng không có cán bộ nhà nước nào đến yêu cầu tôi phải nộp thuế hay lệ phí gì đối với phần đất tranh chấp này. Diện tích đất tôi đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp không liên quan gì đến đất của các ông **Phùng Xuân M2**; ông **Hoàng Văn P3** và ông **Đ** (đều đã chết) và ông **Hoàng Văn L1**. Việc Toà án nhân dân huyện Văn Yên tiến hành thẩm định và định giá tài sản tranh chấp. Tôi nhất trí và không có ý kiến gì thêm.

\* Đồng bị đơn chị **Đặng Thị D** trình bày: Năm 2000 tôi lấy anh **Đặng Nho H** và về **thôn G, xã M, huyện V** sinh sống. Khi đó diện tích đất hiện nay đang tranh chấp với ông bà **Thanh L3** đã trồng quế và cây quế rất to. Sau đó chúng tôi cùng nhau chăm sóc và khai thác đến nay là 03 đợt sau đó tôi lại trồng mới cho đến nay. Từ năm 2000 tôi về sống cho đến nay tôi vẫn trồng quế ổn định không có tranh chấp với ai cả. Đến năm 2023 thì ông bà **Thanh L3** làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải khai thác cây cối trên đất và trả lại đất. Tôi không nhất trí. Việc ông bà **Thanh L3** được cấp sổ diện tích đất tôi đang sử dụng (diện tích đất tranh chấp) tôi không biết, diện tích đất tôi đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp tôi chưa được cấp sổ. Hàng năm diện tích đất này tôi cũng không phải đóng thuế cho nhà nước và cũng không có cán bộ nhà nước nào đến yêu cầu tôi phải nộp thuế hay lệ phí gì đối với phần đất tranh chấp này. Diện tích đất tôi đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp không liên quan gì đến đất của các ông **Phùng Xuân M2**; ông **Hoàng Văn P3** và ông **Đ** (đều đã chết) và ông **Hoàng Văn L1**. Việc Toà án nhân dân huyện Văn Yên tiến hành thẩm định và định giá tài sản tranh chấp. Tôi nhất trí và không có ý kiến gì thêm.

\* Đồng bị đơn anh **Đặng Nho M** trình bày: Diện tích đất hiện nay ông bà **T** đang tranh chấp với tôi nguồn gốc như sau: Năm 1979 anh rể tôi là ông **Lý Kim S1**

khai phá ra và ông S1 sử dụng ban đầu, đến năm 1989 ông S1 chuyển đi ở nơi khác và đã cho tôi sử dụng diện tích đất này. Khi ông S1 cho tôi sử dụng thì trên đất có vài cây quế, sau khi nhận cho đất và vài cây quế của ông S1 cá nhân tôi tiếp tục canh tác. Năm 1990 ông B là người cùng thôn cũng cho tôi một mảnh đất giáp với đất của ông S1 cho tôi, nhưng phần của ông B cho tôi là phần trên đỉnh. Năm 1995 bố mẹ tôi chia cho tôi một phần đất mà bố mẹ tôi khai phá giáp với phần đất ông S1 và ông B cho tôi. Đến năm 1995 tôi đã thuê người đào hào xung quanh diện tích đất ông S1 và ông B và bố mẹ tôi cho tôi. Diện tích đất ông B cho tôi là do ông B tự khai phá mà có. Thời điểm đó đất đai không có giá trị nên người trong làng ai không sử dụng thì cho người khác sử dụng. Toàn bộ diện tích đất hiện nay ông bà Thanh L3 khởi kiện đòi lại tôi chính là đất ông S1 và ông B và bố mẹ tôi cho tôi. Diện tích đất đã đào hào xung quanh và ranh giới sử dụng rõ ràng. Từ năm 1995 cho đến nay tôi vẫn trồng quế ôn định không có tranh chấp với ai cả. Đến năm 2023 thì ông bà Thanh L3 làm đơn khởi kiện yêu cầu tôi phải trả lại đất. Tôi không nhất trí. Việc ông bà Thanh L3 được cấp sổ diện tích đất tôi đang sử dụng (diện tích đất tranh chấp) tôi không biết, diện tích đất tôi đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp tôi chưa được cấp sổ. Hàng năm diện tích đất này tôi cũng không phải đóng thuế cho nhà nước và cũng không có cán bộ nhà nước nào đến yêu cầu tôi phải nộp thuế hay lệ phí gì đối với phần đất tranh chấp này. Diện tích đất tôi đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp không liên quan gì đến đất của các ông Phùng Xuân M2; ông Hoàng Văn P3 và ông Đ (đều đã chết) và ông Hoàng Văn L1. Việc Toà án nhân dân huyện Văn Yên tiến hành thẩm định và định giá tài sản tranh chấp. Tôi nhất trí và không có ý kiến gì thêm.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ủy ban nhân dân huyện V. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế C – Chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Yên Bái không có ý kiến gì.

- Ủy ban nhân dân xã M, huyện V: Tại bản tự khai ông Triệu Đình K là người được uỷ quyền trình bày: Tháng 4/2023 UBND xã M, huyện V tiếp nhận đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Đặng Thị L và ông Đặng Nho M, ông Đặng Nho H cùng địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi tiếp nhận, UBND xã M đã tiến hành thẩm tra, xác minh, tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập tài liệu giấy tờ có liên quan do các bên cung cấp đất về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất theo nội dung đơn đề nghị để phục vụ công tác hòa giải. Ngày 16/6/2023 Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã M tiến hành hòa giải vụ việc trên. Tại buổi làm việc phía nguyên đơn bà Đặng Thị L cung cấp hồ sơ giao đất, giao rừng do UBND huyện cấp cho hộ ông Triệu Phúc T. Qua kiểm tra sơ đồ giao đất giao rừng tỷ lệ 1:5000 kèm theo hồ sơ có dấu gạch xóa. Bà L cung cấp thông tin hồ sơ trên đã được chỉnh sửa khi gia đình nhận hồ sơ. Kiểm tra hồ sơ lưu tại Ủy ban nhân dân xã M, cơ quan hiện không lưu trữ hồ sơ liên quan đến khu vực tranh chấp. Ngoài ra ông K không trình bày gì thêm nữa.

Tại Công văn số: 53/CV-UBND ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện V cung cấp một số thông tin như sau: Tháng 4/2023 UBND xã M, huyện V

tiếp nhận đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà **Đặng Thị L** và ông **Đặng Nho M**, ông **Đặng Nho H** cùng địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Sau khi tiếp nhận, **UBND xã M** đã tiến hành thẩm tra, xác minh, tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập tài liệu giấy tờ có liên quan do các bên cung cấp đất về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất theo nội dung đơn đề nghị để phục vụ công tác hòa giải. Ngày 16/6/2023 Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai **xã M** tiến hành hòa giải vụ việc trên. Tại buổi làm việc phía nguyên đơn bà **Đặng Thị L** cung cấp hồ sơ giao đất, giao rừng do UBND huyện cấp cho hộ ông **Triệu Phúc T**. Qua kiểm tra sơ đồ giao đất giao rừng tỷ lệ 1:5000 kèm theo hồ sơ có dấu gạch xóa. Bà **L** cung cấp thông tin hồ sơ trên đã được chỉnh sửa khi gia đình nhận hồ sơ. Kiểm tra hồ sơ lưu tại **UBND xã M**, cơ quan hiện không lưu trữ hồ sơ liên quan đến khu vực tranh chấp. Ngày 19/01/2024 Ủy ban nhân dân xã **M** tiếp nhận đơn của ông **Hoàng Ngọc N2** địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V** đề nghị liên quan đến thửa đất được đo tại phiên xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên. Để tránh ảnh hưởng tới quyền lợi ích hợp pháp của các chủ sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã **M** cung cấp thông tin tới Tòa án nhân dân huyện Văn Yên nắm bắt và tiến hành xác minh theo quy định.

- Anh **Triệu T2** Chiêu trình bày: Tôi là con trai của đồng nguyên đơn ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** cùng địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Tôi không có quyền và nghĩa vụ gì đối với phần diện tích đất vườn rừng ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** đã được Ủy ban nhân dân huyện **V** cấp ngày 28/6/1993 là 3 ha. Địa chỉ đất: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Ngoài ra anh **C1** không có ý kiến gì thêm.

- Chị **Triệu Thị S** trình bày: Tôi là con gái của đồng nguyên đơn ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** cùng địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Tôi không có quyền và nghĩa vụ gì đối với phần diện tích đất vườn rừng ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** đã được Ủy ban nhân dân huyện **V** cấp ngày 28/6/1993 là 3 ha. Địa chỉ đất: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Ngoài ra chị **S** không có ý kiến gì thêm.

- Chị **Triệu Thị N** trình bày: Tôi là con gái của đồng nguyên đơn ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** cùng địa chỉ: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Tôi không có quyền và nghĩa vụ gì đối với phần diện tích đất vườn rừng ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** đã được Ủy ban nhân dân huyện **V** cấp ngày 28/6/1993 là 3 ha. Địa chỉ đất: **Thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Ngoài ra chị **N** không có ý kiến gì thêm.

\* Những người làm chứng trình bày

- Ông **Đình Công M1** khai: Tôi và gia đình ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** không có quan hệ anh em gì với nhau cả. Tôi và gia đình ông bà **Hung D1**; ông **Đặng Nho M** không có quan hệ anh em gì với nhau cả. Tôi không có mâu thuẫn gì với các gia đình trên cả. Tôi là cán bộ của Hạt kiểm lâm **huyện V** và được giao phụ trách **xã M, huyện V** từ năm 1991 đến năm 2008 thì tôi chuyển địa bàn về **xã M, huyện V** và nay tôi đã nghỉ hưu. Trong thời gian tôi phụ trách **xã M, huyện V** tôi là người trực tiếp đến thực địa và đo đạc và làm thủ tục cấp đất cho ông **Triệu**

Phúc T và bà Đặng Thị L địa chỉ thôn G, xã M, huyện V khu đất hiện nay đang bị tranh chấp (khu đất cách nhà ông bà Thanh L3 đang ở là 01 cái khe và 01 chàn ruộng). Tổng diện tích là 3ha. Địa chỉ thôn G, xã M, huyện V. Trong 3ha khi cấp có 03 chòm cọ cây khoảng 15 năm tuổi và ngoài ra không có cây cối gì nữa. Khi tôi làm thủ tục cấp đất cho ông bà T gia đình ông bà lúc đó có 05 nhân khẩu (gồm hai lao động chính là ông T và bà L3 và 03 nhân khẩu là con của ông T bà L3 lúc đó còn nhỏ). Việc cấp đất và giao đất cho ông bà Thanh L3 tại thời điểm cấp đất chúng tôi đã thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Hiện nay các gia đình trên xảy ra tranh chấp với nhau, cụ thể là anh em trong nhà cho nhau mượn đất thế nào tôi không biết và cũng không quan tâm. Nhưng diện tích đất 3ha mà Hạt kiểm lâm huyện V đã giao cho ông bà Thanh L3 là đúng thực tế. Ngoài ra ông M không có ý kiến gì thêm.

- Bà Triệu Thị K1 khai: Tôi là mẹ đẻ của đồng nguyên đơn ông Triệu Phúc T. Tôi là mẹ đẻ đồng bị đơn anh Đặng Nho M và anh Đặng Nho H. Diện tích đất hiện nay đang xảy ra tranh chấp giữa các gia đình ông Triệu Phúc T, bà Đặng Thị L với gia đình anh Đặng Nho H và anh Đặng Nho M có nguồn gốc như sau: Trước đây là đất do gia đình vợ chồng tôi khai phá từ năm 1979, sau khi khai phá xong từ năm 1979 thì vợ chồng tôi trồng cây sắn và cây quế trên diện tích đất đó đến năm 1989. Sau năm 1989 diện tích đất đó tôi đã cho các con trai tôi là Triệu Phúc T; Đặng Nho M; Đặng Nho H sử dụng. Diện tích đất này tôi cho các con cụ thể là bao nhiêu tôi không biết. Diện tích đất này sau khi tôi khai phá xong và cho các con tôi, tôi chưa được cấp bất cứ giấy tờ, quyền sử dụng gì. Sau này diện tích đất tôi cho ba con trai tôi có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi không biết. Ngoài ra bà K1 không có ý kiến gì thêm.

- Ông Lý Kim S1 khai: Tôi là anh rể của ông Triệu Phúc T; anh Đặng Nho M; anh Đặng Nho H. Diện tích đất hiện nay ông Triệu Phúc T, bà Đặng Thị L đang tranh chấp với anh Đặng Nho M; anh Đặng Nho H; chị Đặng Thị D có nguồn gốc như sau: Năm 1979 tôi có khai phá một diện tích đất để trồng rau ăn. Sau đó tôi trồng sắn, thu hoạch sắn xong tôi lại trồng quế. Đến năm 1989 tôi chuyển vào trong xóm Đ cách thôn G 1,5km. Diện tích đất khai phá tôi đã cho cậu Đặng Nho M sử dụng từ đó cho đến nay. Và hiện nay bà Đặng Thị L đang tranh chấp với cậu M chính là diện tích đất tôi đã cho cậu M sử dụng. Ngoài ra ông S1 không có ý kiến gì thêm.

- Ông Đặng Nguyên C2 khai: Tôi là chú họ của ông Triệu Phúc T, bà Đặng Thị L và tôi cũng là chú họ của anh Đặng Nho M; anh Đặng Nho H. Diện tích đất hiện nay ông Triệu Phúc T, bà Đặng Thị L đang tranh chấp với anh Đặng Nho M; anh Đặng Nho H; chị Đặng Thị D có nguồn gốc như sau: Năm 1995 ông Triệu Phúc T và anh Đặng Nho M thuê tôi đào đường hào xung quanh đồi hiện nay đang tranh chấp. Còn đất của ai cụ thể như thế nào thì tôi không biết. Ngoài ra ông C2 không có ý kiến gì thêm.

- Bà Đặng Thị C3 khai: Tôi là em gái ruột của ông Triệu Phúc T. Tôi là chị gái anh Đặng Nho M và anh Đặng Nho H. Tôi không có mâu thuẫn gì với hai bên gia đình trên cả. Diện tích đất hiện nay giữa gia đình ông Triệu Phúc T bà Đặng Thị L và gia đình anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D; anh Đặng Nho M đang

tranh chấp. Nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ tôi tự khai phá. Khoảng năm 1978 thì anh rể tôi là ông Lý Kim S1 ở cùng bố mẹ đẻ tôi phát xong trồng mấy cây quế. Tôi không nhớ năm bao nhiêu ông S1 chuyển nhượng lại cho em cậu tôi là anh Đặng Nho M làm. Tôi không nhớ vào năm bao nhiêu bố mẹ đẻ tôi chia đất cho ba anh em là Triệu Phúc T; Đặng Nho M; Đặng Nho H mỗi người một lổ. Diện tích đất hiện nay anh Đặng Nho M và anh Đặng Nho H đang sử dụng là đất do bố mẹ đẻ tôi cho hai anh từ ngày xưa. Đất đó chính là diện tích đất hiện nay ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L đang tranh chấp. Ngoài ra bà C3 không có ý kiến gì thêm.

- Bà Đặng Thị N1 khai: Tôi là em gái ruột của ông Triệu Phúc T. Tôi là chị gái anh Đặng Nho M và anh Đặng Nho H. Tôi không có mâu thuẫn gì với hai bên gia đình trên cả. Diện tích đất hiện nay giữa gia đình ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L và gia đình anh Đặng Nho H, chị Đặng Thị D; anh Đặng Nho M đang tranh chấp nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ tôi tự khai phá. Khoảng năm 1978 thì anh rể tôi là ông Lý Kim S1 ở cùng bố mẹ đẻ tôi phát xong trồng mấy cây quế. Tôi không nhớ năm bao nhiêu ông S1 chuyển nhượng lại cho em cậu tôi là anh Đặng Nho M làm. Tôi không nhớ vào năm bao nhiêu bố mẹ đẻ tôi chia đất cho ba anh em là Triệu Phúc T; Đặng Nho M; Đặng Nho H mỗi người một lổ. Diện tích đất hiện nay anh Đặng Nho M và anh Đặng Nho H đang sử dụng là đất do bố mẹ đẻ tôi cho hai anh từ ngày xưa. Đất đó chính là diện tích đất hiện nay ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L đang tranh chấp. Ngoài ra bà N1 không có ý kiến gì thêm.

- Bà Triệu Thị P khai: Tôi là em gái ruột của ông Triệu Phúc T. Tôi là chị gái anh Đặng Nho M và anh Đặng Nho H. Tôi không có mâu thuẫn gì với hai bên gia đình trên cả. Diện tích đất hiện nay giữa gia đình ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L và gia đình anh Đặng Nho H, chị Đặng Thị D; anh Đặng Nho M đang tranh chấp nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ tôi tự khai phá. Khoảng năm 1978 thì anh rể tôi là ông Lý Kim S1 ở cùng bố mẹ đẻ tôi phát xong trồng mấy cây quế. Tôi không nhớ năm bao nhiêu ông S1 chuyển nhượng lại cho em cậu tôi là anh Đặng Nho M làm. Tôi không nhớ vào năm bao nhiêu bố mẹ đẻ tôi chia đất cho ba anh em là Triệu Phúc T; Đặng Nho M; Đặng Nho H mỗi người một lổ. Diện tích đất hiện nay anh Đặng Nho M và anh Đặng Nho H đang sử dụng là đất do bố mẹ đẻ tôi cho hai anh từ ngày xưa. Đất đó chính là diện tích đất hiện nay ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L đang tranh chấp. Ngoài ra bà P không có ý kiến gì thêm.

- Ông Hoàng Văn L1 khai: Tôi và gia đình ông bà Thanh L3 là hàng xóm của nhau, tôi và gia đình anh chị Hưng D1 là hàng xóm của nhau, tôi và gia đình anh M cũng là hàng xóm của nhau. Tôi không mâu thuẫn gì với các gia đình trên cả. Diện tích đất hiện nay các gia đình đang tranh chấp không liên quan gì đến diện tích đất tôi đang sử dụng cả. Cụ thể anh H và chị D1 và anh M cùng ông bà Liễu T3 cũng không ai sử dụng vào đất của tôi và tôi cũng không sử dụng vào đất của các gia đình này cả. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.



Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn buộc đồng bị đơn ông **Đặng Nho H** và bà **Đặng Thị D**; ông **Đặng Nho M** phải thu hoạch toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất để lại phần diện tích đất gia đình ông bà **Thanh L3**. Trên đất của ông **H**, bà **D** có 30 cây quế 4 năm tuổi; 400 cây quế 11 năm tuổi. Trên đất của ông **M** có 1000 cây Quế 11 năm tuổi; 1.000 cây quế 6 năm tuổi; 2.000 cây quế con mới trồng thêm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự các đồng bị đơn phải thanh toán số tiền số tiền 13.808.280 đồng (trong đó: Chi phí thẩm định 7.719.280 đồng; Chi phí định giá: 6.089.000 đồng) cho các đồng nguyên đơn.

Về án phí: Đồng bị đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho đồng bị đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Đặng Nho M**; anh **Đặng Nho H** và chị **Đặng Thị D** phải thu dọn cây cối trên đất và trả lại đất. Đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Thế C**; ông **Triệu Đình K**; anh **Triệu Tồn C1**; chị **Triệu Thị S**; chị **Triệu Thị N** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và người làm chứng trong vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với yêu cầu của ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** như sau: Buộc ông **Đặng Nho M** phải khai thác 1000 cây quế trời to 11 năm tuổi; 1000 cây quế trồng 06 năm tuổi; 2000 cây quế con hơn 01 năm tuổi có giá trị 255.000.000đồng và trả lại toàn bộ diện tích đất là 4.568,7m<sup>2</sup> có giá trị 59.393.100đồng tại **thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**; Buộc ông **Đặng Nho H** và bà **Đặng Thị D** phải khai thác 30 cây quế trồng 04 năm tuổi; 400 cây quế trời 11 năm tuổi có giá trị 65.950.000đồng và trả lại toàn bộ diện tích đất là 886,0m<sup>2</sup> có giá trị 11.518.000đồng tại **thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái**.

Đối với phần diện tích đất hiện nay đang tranh chấp với anh **Đặng Nho M**, anh **M** cho rằng: Nguồn gốc là năm 1979 anh rể là ông **Lý Kim S1** khai phá ra và ông **S1** sử dụng ban đầu, đến năm 1989 ông **S1** chuyển đi ở nơi khác và đã cho anh

M sử dụng diện tích đất này. Năm 1990 ông B là người cùng thôn cũng cho anh M một mảnh đất giáp với đất của ông S1 cho, nhưng phần của ông B cho anh M là phần trên đỉnh. Năm 1995 bố mẹ anh M chia cho anh M một phần đất mà bố mẹ anh M khai phá giáp với phần đất ông S1 và ông B cho anh M. Đến năm 1995 anh M đã thuê người đào hào xung quanh diện tích đất ông S1 và ông B và bố mẹ tôi cho anh. Diện tích đất ông B cho anh M là do ông B tự khai phá mà có. Toàn bộ diện tích đất hiện nay ông bà Thanh L3 khởi kiện đòi lại anh M chính là đất ông S1 và ông B và bố mẹ cho anh M. Diện tích đất đã đào hào xung quanh và ranh giới sử dụng rõ ràng. Từ năm 1995 cho đến nay anh M vẫn trồng quế ổn định không có tranh chấp với ai cả. Đến năm 2023 thì ông bà Thanh L3 làm đơn khởi kiện yêu cầu anh M phải trả lại đất. Việc ông bà Thanh L3 được cấp sổ diện tích đất anh M đang sử dụng (diện tích đất tranh chấp) anh M không biết, diện tích đất anh M đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp anh M chưa được cấp sổ. Hàng năm diện tích đất này anh M cũng không phải đóng thuế cho nhà nước và cũng không có cán bộ nhà nước nào đến yêu cầu anh M phải nộp thuế hay lệ phí gì đối với phần đất tranh chấp này. Việc ông bà Thanh L3 yêu cầu anh M thu dọn cây cối trên đất và trả lại đất anh M không nhất trí.

Đối với phần đất hiện nay đang tranh chấp với anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D, anh chị Hưng D1 cho rằng: Diện tích đất hiện nay ông bà Thanh L3 đang tranh chấp với anh chị H nguồn gốc như sau: Năm 1995 bố mẹ đẻ anh H (ông bà T, ông T1 hiện nay đã chết) tự khai phá sau đó trồng quế và chia anh H một diện tích đất. Sau khi anh H nhận cho đất từ bố mẹ, anh H đã nhờ anh M (là anh trai) đã đào hào xung quanh diện tích đất của anh H từ thời gian đó cho đến nay. Anh chị Hưng D1 đã trồng quế trên diện tích đất đó, cây to anh chị đã khai thác 03 đợt sau đó lại trồng mới cho đến nay. Từ năm 1995 cho đến nay anh H vẫn trồng quế ổn định không có tranh chấp với ai cả. Đến năm 2023 thì ông bà Thanh L3 làm đơn khởi kiện yêu cầu anh chị H phải khai thác cây cối trên đất và trả lại đất. Việc ông bà Thanh L3 được cấp sổ diện tích đất anh chị H đang sử dụng (diện tích đất tranh chấp) anh chị H không biết, diện tích đất anh chị Hưng D1 đang sử dụng là diện tích đất tranh chấp anh chị H chưa được cấp sổ. Hàng năm diện tích đất này anh chị Hưng D1 cũng không phải đóng thuế cho nhà nước và cũng không có cán bộ nhà nước nào đến yêu cầu anh chị Hưng D1 phải nộp thuế hay lệ phí gì đối với phần đất tranh chấp này. Việc ông bà Thanh L3 yêu cầu anh chị H thu dọn cây cối trên đất và trả lại đất anh chị H không nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ kết quả cho rằng toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp hiện nay anh Đặng Nho M sử dụng là 4.568,7m<sup>2</sup>; anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D đang sử dụng là 886,0m<sup>2</sup> tại thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái nằm trong phần diện tích đất gia đình ông Triệu Phúc T đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp hồ sơ giao đất giao rừng ngày 28/6/1993.

Đồng bị đơn cũng khẳng định là diện tích đất hiện nay đang tranh chấp đến thời điểm hiện nay đồng bị đơn không có một giấy tờ gì liên quan đến quyền sử dụng đất.

Lời khai của ông **Đình Công M1** nguyên là cán bộ Hạt kiểm lâm đã khai ông **M1** là cán bộ của Hạt kiểm lâm huyện **V** và được giao phụ trách xã **M**, huyện **V** từ năm 1991 đến năm 2008. Trong thời gian ông **M1** phụ trách xã **M**, huyện **V** ông **M1** là người trực tiếp đến thực địa và đo đạc và làm thủ tục cấp đất cho ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** khu đất hiện nay đang bị tranh chấp (khu đất cách nhà ông bà **Thanh L3** đang ở là 01 cái khe và 01 chàn ruộng). Tổng diện tích là 3ha. Địa chỉ thôn **G**, xã **M**, huyện **V**. Trong 3ha khi cấp có 03 chòm cọ cây khoảng 15 năm tuổi và ngoài ra không có cây cối gì nữa. Khi anh **M1** làm thủ tục cấp đất cho ông bà **Thanh L3** gia đình ông bà lúc đó có 05 nhân khẩu (gồm hai lao động chính là ông **T** và bà **L3** và 03 nhân khẩu là con của ông **T** bà **L3** lúc đó còn nhỏ). Việc cấp đất và giao đất cho ông bà **Thanh L3** tại thời điểm cấp đất đã thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Hiện nay các gia đình trên xảy ra tranh chấp với nhau, cụ thể là anh em trong nhà cho nhau mượn đất thế nào anh **M1** không biết và cũng không quan tâm. Nhưng diện tích đất 3ha mà **Hạt kiểm lâm huyện V** đã giao cho ông bà **Thanh L3** là đúng thực tế. Quá trình giải quyết vụ án **Hạt kiểm lâm huyện V** đã cung cấp cho Toà án văn bản thể hiện là ông **Đình Công M1** là cán bộ kiểm lâm và đã phụ trách xã **M**, huyện **V** thời gian trước năm 2008 là đúng thực tế. Do vậy lời khai của ông **M1** là có căn cứ vững chắc và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời khai của những người làm chứng bà **Triệu Thị K1**; ông **Lý Kim S1**; bà **Đặng Thị C3**; bà **Đặng Thị N1**; bà **Triệu Thị P** đều thể hiện diện tích đất hiện nay đang tranh chấp do vợ chồng bà **K1** (là bố mẹ của đồng nguyên đơn và đồng bị đơn) khai phá. Ngoài lời khai những người làm chứng cũng như đồng bị đơn cũng không xuất trình được loại giấy tờ gì liên quan đến quyền sở hữu phần diện tích đất tranh chấp. Do vậy lời khai của những người làm chứng này không có căn cứ vững chắc nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Công văn số: 32/CV-HKL ngày 11/6/2024 của của **Hạt kiểm lâm huyện V** như sau: Hồ sơ giao đất giao rừng được Ủy ban nhân dân huyện **V** cấp ngày 28/6/1993 cho ông **Triệu Phúc T** hiện đang lưu tại Hạt kiểm lâm. Căn cứ vào hồ sơ giao đất giao rừng do Ủy ban nhân dân huyện **V** cấp cho ông **Triệu Phúc T** ngày 28/6/1993 (theo bản lưu tại Hạt kiểm lâm). Tổng diện tích cấp trong sổ là 10,0ha (trong đó 3,0ha là quế đã trồng; 7,0 ha là đất để trồng quế). Từ thời điểm cấp sổ đến nay Ủy ban nhân dân huyện **V** chưa có quyết định nào thay thế, sửa đổi hay thu hồi diện tích đất trên do ông **Triệu Phúc T** đang sử dụng. Vì vậy đến thời điểm hiện tại hồ sơ giao đất giao rừng của ông **Triệu Phúc T** vẫn còn giá trị pháp lý.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L**. Buộc anh **Đặng Nho M** phải trả lại toàn bộ diện tích đất là 4.568,7m<sup>2</sup> tại thôn **G**, xã **M**, huyện **V**, tỉnh **Yên Bái**. Buộc anh **Đặng Nho H** và chị **Đặng Thị D** phải trả lại toàn bộ diện tích đất là 886,0m<sup>2</sup> tại thôn **G**, xã **M**, huyện **V**, tỉnh **Yên Bái** là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với các loại cây của anh **Đặng Nho M** gồm 1000 cây quế trời to 11 năm tuổi; 1000 cây quế trồng 06 năm tuổi; 2000 cây quế con hơn 01 năm tuổi trồng trên diện tích đất là 4.568,7m<sup>2</sup> tại thôn **G**, xã **M**, huyện **V**, tỉnh **Yên Bái** nằm

trong hồ sơ giao đất giao rừng do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Triệu Phúc T ngày 28/6/1993. Cần buộc anh Đặng Nho M khai thác toàn bộ cây cối để trả lại đất cho ông bà Thanh L3.

[5] Đối với các loại cây của anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D gồm 30 cây quế trồng 04 năm tuổi; 400 cây quế trời 11 năm tuổi trồng trên diện tích đất là 886,0m<sup>2</sup> tại thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái nằm trong hồ sơ giao đất giao rừng do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho ông Triệu Phúc T ngày 28/6/1993. Cần buộc anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D khai thác toàn bộ cây cối để trả lại đất cho ông bà Thanh L3.

[6] Tại Công văn số: 53/CV-UBND ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện V cung cấp một số thông tin như sau: Ngày 19/01/2024 Ủy ban nhân dân xã M tiếp nhận đơn của ông Hoàng Ngọc N2 địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện V đề nghị liên quan đến thửa đất được đo tại phiên xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông Hoàng Ngọc N2 cho biết. Diện tích đất gia đình ông đang sử dụng không nằm trong diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L với ông Đặng Nho M; gia đình ông Đặng Nho H và bà Đặng Thị D. Diện tích đất của tôi nằm gần đất tranh chấp mà ông Đặng Nho H và bà Đặng Thị D đang sử dụng. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này do không liên quan đến phần đất hiện nay đang tranh chấp.

[7] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2024 là 7.719.280đồng (Bảy triệu bảy trăm mười chín nghìn hai trăm tám mươi đồng) và tiền định giá ngày 04/5/2024 là 6.089.000đồng (Sáu triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng 13.808.280đồng (Mười ba triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm tám mươi đồng). Buộc anh Đặng Nho M; anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D phải hoàn trả cho ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L số tiền này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Triệu Phúc T và bà Đặng Thị L được Tòa án chấp nhận nên ông T và bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Nho M; anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Đặng Nho M; anh Đặng Nho H và chị Đặng Thị D.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[10] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166; Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L**.

- Buộc anh **Đặng Nho M** phải khai thác 1000 cây quế trời to 11 năm tuổi; 1000 cây quế trồng 06 năm tuổi; 2000 cây quế con hơn 01 năm tuổi có giá trị 255.000.000đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) và trả lại cho ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** toàn bộ diện tích đất vườn rừng là 4.568,7m<sup>2</sup> có giá trị 59.393.100đồng (Năm chín triệu ba trăm chín ba nghìn một trăm đồng) tại **thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** cụ thể thửa đất:

Từ điểm 33-34; 34-35; 35-36 giáp đất đang trồng cọ nhà ông **P3**;

Từ điểm 36-41; 41-42 giáp đất trồng quế nhà ông **H**;

Từ điểm 42-43; 43-44; 44-45 giáp đường thôn;

Từ điểm 45-46; 46-47; 47-48 giáp khe suối;

Từ điểm 48-49; 49-50; 50-51; 51-33 giáp đất Quế bà **L**.

- Buộc anh **Đặng Nho H** và chị **Đặng Thị D** phải khai thác toàn bộ cây cối trồng trên diện tích đất gồm: 30 cây quế trồng 04 năm tuổi; 400 cây quế trời 11 năm tuổi có giá trị 65.950.000đồng (sáu năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và trả lại cho ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** tổng diện tích đất vườn rừng là: 886,0m<sup>2</sup> có giá trị là 11.518.000đồng (mười một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) tại **thôn G, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái** cụ thể thửa đất:

Từ điểm 36 đến điểm 40 giáp đất đang trồng cọ nhà ông **P3**;

Từ điểm 36-41; 41-42 giáp đất trồng quế nhà ông **M**;

Từ điểm 40-42 giáp đường thôn;

2. Về chi phí tố tụng: Ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá. Anh **Đặng Nho M**; anh **Đặng Nho H** và chị **Đặng Thị D** phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cụ thể như sau:

Buộc anh **Đặng Nho M** phải hoàn trả cho ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** số tiền 6.904.140 đồng (sáu triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Buộc anh **Đặng Nho H** và chị **Đặng Thị D** phải hoàn trả cho ông **Triệu Phúc T** và bà **Đặng Thị L** số tiền 6.904.140 đồng (sáu triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh **Đặng Nho M**; anh **Đặng Nho H** và chị **Đặng Thị D** được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông **Triệu Phúc T**; bà **Đặng Thị L**; anh **Đặng Nho M**; anh **Đặng Nho H**; chị **Đặng Thị D** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*(Kèm theo bản án là sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ)*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã M
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thoảng**